**Kết hôn đúng pháp luật là gì? Thủ tục thế nào?**

 ***Nam nữ để được công nhận là vợ chồng hợp pháp thì phải thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Vậy kết hôn đúng pháp luật là gì? Thủ tục thế nào?***

  **1. Kết hôn đúng pháp luật là gì?**

**Kết hôn đúng pháp luật là** việc nam nữ kết hôn với nhau khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định nêu tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình số [52/2014/QH13](https://luatvietnam.vn/hon-nhan-gia-dinh/luat-hon-nhan-va-gia-dinh-2014-87930-d1.html).

Theo đó, để kết hôn đúng pháp luật thì phải đáp ứng các điều kiện gồm có:

- Đảm bảo điều kiện về độ tuổi. Trong đó, độ tuổi được phép kết hôn là: Nam từ đủ 20 tuổi và nữ từ đủ 18 tuổi.

- Việc kết hôn phải đều do hai bên tự nguyện.

- Hai bên không bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Việc kết hôn không thuộc các trường hợp cấm của Luật, cụ thể:

* Kết hôn giả tạo.
* Tảo hôn, cưỡng ép việc kết hôn hoặc lừa dối, cản trở kết hôn.
* Người đang có vợ/chồng mà kết hôn hay chung sống như vợ chồng với người khác.
* Những người có mối quan hệ sau đây kết hôn với nhau: Cùng dòng máu trực hệ, cha mẹ nuôi với con nuôi, có họ trong phạm vi ba đời, mẹ vợ với con rể hoặc cha chồng với con dâu, mẹ kế với con riêng của chồng hoặc cha dượng với con riêng của vợ.

Như vậy, nếu các bên đều đáp ứng các điều kiện nêu trên thì được đăng ký kết hôn và được xem là kết hôn đúng pháp luật.

**2. Thủ tục đăng ký kết hôn đúng pháp luật 2024**

***2.1. Hồ sơ đăng ký kết hôn:***

**\*Đối với kết hôn trong nước:**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định [123/2015/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/tu-phap/nghi-dinh-123-2015-nd-cp-chinh-phu-100409-d1.html) và khoản 1 Điều 18 Luật Hộ tịch số [60/2014/QH13](https://luatvietnam.vn/tu-phap/luat-ho-tich-2014-91356-d1.html), hai bên nam nữ cần chuẩn bị hồ sơ để đăng ký kết hôn bao gồm các giấy tờ dưới đây:

- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu tại Phụ lục được ban hành kèm Thông tư [04/2020/TT-BTP](https://luatvietnam.vn/tu-phap/thong-tu-04-2020-tt-btp-huong-dan-luat-ho-tich-185783-d1.html).

- CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và phải còn thời hạn sử dụng.

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp bởi UBND cấp xã nơi cư trú của nam/nữ.

- Quyết định/bản án về việc ly hôn của Toà án đã có hiệu lực (đối với trường hợp trước đã đã kết hôn mà ly hôn).

**\*Đối với kết hôn có yếu tố nước ngoài:**

Theo quy định tại Điều 30 Nghị định 123/2015/NĐ-CP, hồ sơ để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn khi có yếu tố nước ngoài gồm có:

- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu tại Phụ lục được ban hành kèm Thông tư 04/2020/TT-BTP.

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân vẫn còn giá trị sử dụng, được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, trong đó có thể hiện rõ nội dung: Hiện tại người nước ngoài không có vợ/chồng.

Nếu nước đó không cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì được thay bằng giấy tờ khác mà xác định người này đủ điều kiện để kết hôn.

- Giấy xác nhận người này không mắc các bệnh về tâm thần hoặc bệnh khác, đồng thời đủ nhận thức và có thể tự làm chủ hành vi, được xác nhận bởi cơ quan y tế có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế cho hộ chiếu (bản sao).

***2.2. Nơi nộp hồ sơ***

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch 2014, sau khi hai bên chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ nêu trên, nếu hai bên là công dân Việt Nam thì đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi mà một trong hay bên cư trú.

Bên cạnh đó, tại Điều 37 Luật Hộ tịch 2014, nơi đăng ký kết hôn là UBND cấp huyện của một trong hai bên nam nữ nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:

- Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài.

- Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam kết hôn với công dân Việt Nam cư trú tại nước ngoài.

- Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài mà kết hôn với nhau.

- Công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam/người nước ngoài.

Riêng đối với trường hợp hai người nước ngoài nếu có nhu cầu được đăng ký kết hôn ở Việt Nam thì đến UBND cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên để thực hiện thủ tục.

***2.3. Thời gian giải quyết đăng ký kết hôn***

Theo quy định tại Điều 18 Luật Hộ tịch 2014, giấy chứng nhận kết hôn được cấp ngay sau khi cán bộ tư pháp đã nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và xét thấy hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp cần xác minh thêm các điều kiện để kết hôn thì thời hạn cấp giấy chứng nhận kết hôn là không quá 05 ngày làm việc.

Riêng đối với trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài thì theo quy định tại Điều 32 Nghị định 123/2015/NĐ-CP, việc cấp giấy chứng nhận kết hôn được thực hiện trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký.

Lưu ý: Nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký mà hai bên không thể có mặt tại UBND có thẩm quyền để nhận giấy chứng nhận kết hôn thì giấy chứng nhận kết hôn này sẽ bị huỷ. Các bên vẫn muốn kết hôn thì đăng ký kết hôn lại từ đầu.

**3. Hai vợ chồng ở khác tỉnh có đăng ký kết hôn được không?**

Hai vợ chồng ở khác tỉnh hoàn toàn có thể đăng ký kết hôn như bình thường bởi các lý do sau đây:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch 2014 thì UBND cấp xã của một trong hai bên nam, nữ là cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kết hôn. Đồng thời, tại Điều 18 Luật Hộ tịch 2014 quy định hai bên nam nữ nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu cho cơ quan đăng ký về hộ tịch và cùng có mặt ở đó khi làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Theo đó, việc đăng ký kết hôn chỉ đơn giản là việc hai bên nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt tại đó, tức là hai bên muốn đăng ký kết hôn thì có thể đến UBND cấp xã tại nơi cư trú của một trong hai bên để làm thủ tục.